TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 393/2017/DS- ST
Ngày: 18/9/2017
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Tiến Dũng

2/ Ông Chu Mạnh Tường

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lưu Thị Ngọc Hương- Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 328/2016/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2016, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 507/2017/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S

Trụ sở: Số A đường N, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Ngọc K, sinh năm 1987

Địa chỉ: số E đường Lê Văn T, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền ngày 10/8/2017) (có mặt)

2/ Bị đơn: ông Võ Phương G, sinh năm 1978

Thường trú: 27/11 đường số H, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông Huỳnh Thanh D- Luật sư Văn phòng luật sư P, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/7/2016 và lời trình bày của ông Lê Ngọc K- đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) tại các bản tự khai, biên bản tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa:

Ngày 21/6/2012 ông Võ Phương G có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông G, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng có số thẻ 472074-9964 với hạn mức sử dụng là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Thỏa thuận về lãi suất là 2,15%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, ông G sẽ thực hiện nghĩa vụ trả nợ vào ngày 10 hàng tháng.

Sau khi được cấp thẻ, ông G đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 40.590.039 (bốn mươi triệu năm trăm chín mươi ngàn không trăm ba mươi chín) đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông G đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 42.977.776 (bốn mươi hai triệu chín trăm bảy mươi bảy ngàn bảy trăm bảy mươi sáu) đồng, trong đó tiền gốc là 21.634.577 (hai mươi mốt triệu sáu trăm ba mươi bốn ngàn năm trăm bảy mươi bảy) đồng, tiền lãi là 16.177.821 (mười sáu triệu một trăm bảy mươi bảy ngàn tám trăm hai mươi mốt) đồng và các loại phí sử dụng thẻ là 5.165.378 (năm triệu một trăm sáu mươi lăm ngàn ba trăm bảy mươi tám) đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông G không có thiện chí trả nợ. Do ông G đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại điều 2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của ngân hàng nên ngày 11/4/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ chưa thanh toán sang nợ quá hạn như điều 23 của bản điều khoản quy định.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Võ Phương G có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/9/2017 là 29.673.764 (hai mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi ba ngàn bảy trăm sáu mươi bốn) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 18.955.462 (mười tám triệu chín trăm năm mươi lăm ngàn bốn trăm sáu mươi hai) đồng, số tiền nợ lãi là 10.718.302 (mười triệu bảy trăm mười tám ngàn ba trăm lẻ hai) đồng và tiếp tục thanh toán các khoản lãi phát sinh từ ngày 19/9/2017 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Ông Võ Phương G đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Ông Huỳnh Thanh D- là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Võ Phương G đã được tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản nên căn cứ Khoản 3 Điều 26, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ

kết quả xác minh của Công an phường L, quận T thì ông Võ Phương G có nơi cư trú tại quận T nên căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông Võ Phương G và ông Huỳnh Thanh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông G, ông D.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: ngày 21/6/2012 Ngân hàng thương mại cổ phần S và ông Võ Phương G đã ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và ngân hàng thương mại cổ phần S đã cấp thẻ tín dụng cho ông G có số thẻ là 472074-9964 với hạn mức sử dụng thẻ là 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng. Xét hình thức và nội dung thoả thuận của các bên tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng nêu trên phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Theo chứng từ do nguyên đơn cung cấp thì ông Võ Phương G đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, dẫn đến việc ngày 11/4/2016 Ngân hàng thương mại cổ phần S thực hiện thỏa thuận của hợp đồng là chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn.

Theo đó, tính đến ngày 18/9/2017, ông Võ Phương G vẫn còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 21/6/2012 với số tiền là 29.673.764 (hai mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi ba ngàn bảy trăm sáu mươi bốn) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 18.955.462 (mười tám triệu chín trăm năm mươi lăm ngàn bốn trăm sáu mươi hai) đồng, số tiền nợ lãi là 10.718.302 (mười triệu bảy trăm mười tám ngàn ba trăm lẻ hai) đồng. Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu ông Võ Phương G trả số tiền trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục thanh toán các khoản lãi phát sinh từ ngày 19/9/2017 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần S được chấp nhận nên ông Võ Phương G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Buộc ông Võ Phương G có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tính đến ngày 18/9/2017 của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 21/6/2012 có số thẻ 472074-9964 với số tiền là 29.673.764 (hai mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi ba ngàn bảy trăm sáu mươi bốn) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 18.955.462 (mười tám triệu chín trăm năm mươi lăm ngàn bốn trăm sáu mươi hai) đồng, số tiền nợ lãi là 10.718.302 (mười triệu bảy trăm mười tám ngàn ba trăm lẻ hai) đồng. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 19/9/2017 ông Võ Phương G còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 21/6/2012 nêu trên cho đến khi trả hết nợ.

2/ Về án phí:

Ông Võ Phương G phải nộp 1.483.688 (một triệu bốn trăm tám mươi ba ngàn sáu trăm tám mươi tám) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 515.149 (năm trăm mười lăm ngàn một trăm bốn mươi chín) đồng Ngân hàng thương mại cổ phần S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0014184 ngày 25/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân TP.HCM;
- VKS nhân dân Q.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q.Thủ Đức;
- Các bên đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TÒA

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

(đã ký)

Nguyễn Thị Lệ Thủy